

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 03/12/2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 17.257.000.000 đồng

Vốn thực tế 17.256.635.403 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3516 2933

Mã số thuế: 0303218213

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
----------------------	---------

- Ông Hoàng Quốc Tiến	Chủ tịch
-----------------------	----------

Kiểm soát viên	Chức vụ
----------------	---------

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Kiểm soát viên
-------------------------	----------------

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
---------------------------------	---------

- Ông Nguyễn Ngọc Nga	Phó Giám đốc
-----------------------	--------------

- Bà Lâm Thị Hoàng Hương	Phó Giám đốc
--------------------------	--------------

- Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Kế toán trưởng
------------------------	----------------

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 22 tháng 02 năm 2020

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Ngọc Nga
Phó Giám đốc

Số 14../2020/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận nợ phải thu khách hàng (thuyết minh tại V2a). Với các tài liệu hiện có, Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.

Ngoài ra, tiền mặt tại quỹ có 18,8 lượng vàng tiền tệ Công ty chưa đánh giá lại giá trị vàng tiền tệ này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2020

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1

4

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2019	TẠI NGÀY 01/01/2019
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.275.698.913	164.522.889.304
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72.221.457.781	47.996.500.611
1. Tiền	111	V.01	66.221.457.781	32.061.866.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	15.934.634.483
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.967.037.934	58.436.432.494
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	53.606.396.729	53.882.724.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	418.809.004	370.267.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.941.832.201	4.183.440.646
IV. Hàng tồn kho	140		58.087.203.198	58.089.956.199
1. Hàng tồn kho	141	V.05	58.087.203.198	58.089.956.199
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.284.966.288	40.242.503.883
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	24.505.535.452
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02b	-	24.505.535.452
II. Tài sản cố định	220		9.063.098.543	1.165.128.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	9.063.098.543	1.165.128.316
Nguyên giá	222		25.748.111.953	17.277.839.226
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.685.013.410)	(16.112.710.910)
III. Bất động sản đầu tư	230		13.993.297.347	14.571.840.115
Nguyên giá	231	V.08	21.812.990.161	22.657.625.562
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.819.692.814)	(8.085.785.447)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		242.719.544	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	242.719.544	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.985.850.854	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.985.850.854	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		213.560.665.201	204.765.393.187

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2019	TẠI NGÀY 01/01/2019
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		150.982.789.483	153.128.415.510
I. Nợ ngắn hạn	310		149.436.269.483	153.128.415.510
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.129.624.426	28.904.976.175
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.248.365.352	2.058.060.829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	23.079.028.568	20.232.586.200
4. Phải trả người lao động	314	V.13	15.799.499.745	21.545.764.993
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	15.740.939.871	8.744.008.510
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	72.974.843.521	71.643.018.803
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	463.968.000	-
II. Nợ dài hạn	330		1.546.520.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.546.520.000	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.577.875.718	51.636.977.677
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	34.657.950.723	25.944.837.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.256.635.403	17.256.635.403
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.401.315.320	8.688.202.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.688.202.486	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.713.112.834	8.688.202.486
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.18	27.919.924.995	25.692.139.788
1. Nguồn kinh phí	431		10.073.990.733	7.267.662.758
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		17.845.934.262	18.424.477.030
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		213.560.665.201	204.765.393.187

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

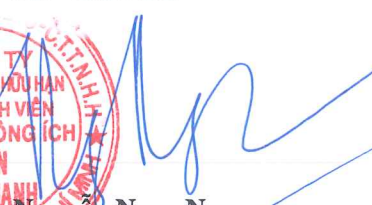
Phó Giám đốc



Nguyễn Tiến Khoa



Phạm Thị Ánh Hồng

Nguyễn Ngọc Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2019	2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	169.869.781.762	182.425.853.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.004.503.428	19.803.582.391
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		146.865.278.334	162.622.270.873
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	126.852.444.702	142.503.614.334
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.012.833.632	20.118.656.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	694.672.595	796.235.888
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	61.540.965	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		61.540.965	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	9.952.430.550	9.957.748.772
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.693.534.712	10.957.143.655
11. Thu nhập khác	31	VI.06	198.400.215	69.164.176
12. Chi phí khác	32	VI.07	543.885	166.054.723
13. Lợi nhuận khác	40		197.856.330	(96.890.547)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.891.391.042	10.860.253.108
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.178.278.208	2.172.050.622
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.713.112.834	8.688.202.486

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc



Nguyễn Tiến Khoa



Phạm Thị Ánh Hồng



 Nguyễn Ngọc Nga

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2019	2018
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		113.353.812.643	70.281.360.382
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(90.086.535.405)	(55.928.862.640)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(50.289.122.644)	(52.528.531.052)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(68.868.355)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.642.643.346)	(2.346.208.777)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		339.316.456.112	215.498.003.028
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(286.743.502.430)	(187.033.515.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		23.839.596.575	(12.057.754.291)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		694.672.595	796.235.888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		694.672.595	796.235.888
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(309.312.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(309.312.000)	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2019	2018
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		24.224.957.170	(11.261.518.403)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		47.996.500.611	59.258.019.014
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		72.221.457.781	47.996.500.611

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc



Nguyễn Tiến Khoa



Phạm Thị Ánh Hồng



Nguyễn Ngọc Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 03/12/2015. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 17.257.000.000 VND

- Vốn thực tế: 17.256.635.403 VND

Trụ sở đặt tại: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trả trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	4.234.766.900	8.147.952.201
- Tiền mặt tại quỹ VNĐ	3.529.041.591	7.442.226.892
- Vàng bạc, kim khí, đá quý	705.725.309	705.725.309
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	61.986.690.881	23.913.913.927
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	55.272.987.431	23.912.794.472
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	6.492.885.185	-
- Ngân hàng Vietcombank	150.408	413.829
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	220.667.857	705.626
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	15.934.634.483
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6.000.000.000	15.934.634.483
Tổng cộng	72.221.457.781	47.996.500.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a Ngắn hạn				
Tài sản thiếu chờ xử lý	-		1.053.748	
UBND Q.Bình Thạnh (Giải tỏa lô 4 lô 6 CX Thanh Đa)	595.593.607		595.593.607	
Ký quỹ ở Phòng QLĐT	51.917.200		51.917.200	
BHXH, BHYT	178.056.616		160.386.319	
(*) Các khoản tạm ứng CNV	2.655.538.829		3.032.528.513	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	168.572.562		168.437.954	
Phải thu khác	292.153.387		173.523.305	
Tổng cộng	3.941.832.201	-	4.183.440.646	-

5. Hàng tồn kho	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-		486.636.363	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	58.087.203.198		57.603.319.836	
Tổng cộng	58.087.203.198	-	58.089.956.199	-

(*) Chi tiết các CP SXKD dở dang tại ngày 31/12/2019

58.086.203.198

- Thi công các công trình kinh doanh

4.108.130.781

+ Xây mới nhà làm việc UBND Quận Bình Thạnh	237.927.498
+ Xây mới UBND P 26 Quận Bình Thạnh	175.013.292
+ Xây mới Trường Tiểu học P 17 Quận Bình Thạnh	27.500.484
+ Nâng cấp vỉa hè đường Nơ Trang Long Quận Bình Thạnh	239.047.028
+ Nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Đậu Quận Bình Thạnh	17.037.273
+ Nâng cấp vỉa hè đường Phan Văn Trị Quận Bình Thạnh	144.548.217
+ Nâng cấp vỉa hè đường Lê Quang Định Quận Bình Thạnh	95.616.922
+ Nâng cấp vỉa hè đường Điện Biên Phủ Quận Bình Thạnh	22.556.518
+ Nâng cấp hẻm 356 Xô Viết Nghệ Tĩnh Quận Bình Thạnh	44.937.009
+ Nâng cấp mặt đường và cải tạo HTTN Khu cư xá 304-307 P25 Quận Bình Thạnh	101.224.656
+ Nâng cấp cải tạo đường giao thông Tổ 55 KP4 P13 Quận Bình Thạnh	24.599.207
+ CT nối ống tuyến đường D3 P25 Quận Bình Thạnh	118.055.000
+ Sửa chữa Trường Tiểu học Trần Quang Vinh	227.583.908
+ Sửa chữa cải tạo Trụ sở Công an P3	99.546.988
+ Sửa chữa cải tạo Trụ sở Công an P6	4.796.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

+ Sửa chữa các phòng làm việc UBND Quận Bình Thạnh	159.010.623
+ Sửa chữa Chợ Thanh Đa P27	119.015.609
+ Sửa chữa Chung cư 21/12 Lê Trực P7	249.087.000
+ Sửa chữa Chung cư 336/1bis Phan Văn Trị P11	38.105.909
+ Sửa chữa Chung cư 46/28 Nguyễn Cửu Vân P17	331.617.446
+ Sửa chữa Cư xá Thanh Đa P 27 Lô D	87.663.639
+ Sửa chữa Cư xá Thanh Đa P 27 Lô E	69.897.552
+ Sửa chữa Cư xá Thanh Đa P 27 Lô G	98.550.018
+ Sửa chữa Cư xá Thanh Đa P 27 Lô J	120.754.922
+ Sửa chữa Cư xá Thanh Đa P 27 Lô N	50.877.046
+ Sửa chữa Cư xá Thanh Đa P 27 Lô S	87.806.284
+ Sửa chữa Cư xá Thanh Đa P 27 Lô U	70.822.395
+ XD công viên KNO 13,6 ha P13 Quận Bình Thạnh	1.044.931.994
- Dịch vụ vệ sinh	3.761.780.883
- Quản lý nhà	1.009.650.035
- Hoạt động dự án Phường 13 Quận Bình Thạnh	49.206.641.499
+ Hạng mục tổng thể	49.202.088.580
+ Hạng mục Chung cư	4.552.919

6. Chi phí trả trước

<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
<i>CP chờ kết chuyển - VP</i>		11.690.804.892	11.690.804.892	-
<i>CP chờ kết chuyển - DVVS</i>		2.317.002.822	342.651.968	1.974.350.854
<i>CP chờ kết chuyển - Khác</i>		11.500.000		11.500.000
Tổng cộng	-	14.019.307.714	12.033.456.860	1.985.850.854

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2019	4.152.716.393	-	12.687.363.561	437.759.272	17.277.839.226
- Mua trong năm	-		8.667.272.727		8.667.272.727
- Thanh lý, nhượng bán			(197.000.000)		(197.000.000)
Số dư ngày 31/12/2019	4.152.716.393	-	21.157.636.288	437.759.272	25.748.111.953
Khấu hao lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2019	3.043.923.582	-	12.687.363.556	381.423.772	16.112.710.910
- Khấu hao trong năm	285.116.773		459.147.727	25.038.000	769.302.500
- Thanh lý, nhượng bán			(197.000.000)		(197.000.000)
Số dư ngày 31/12/2019	3.329.040.355	-	12.949.511.283	406.461.772	16.685.013.410
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2019	1.108.792.811	-	5	56.335.500	1.165.128.316
Số dư ngày 31/12/2019	823.676.038	-	8.208.125.005	31.297.500	9.063.098.543
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:					
	31/12/2018	31/12/2019			
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.888.110.300	2.857.779.735			
PTV/Tải, truyền dẫn	12.687.363.561	12.687.363.561			
Dụng cụ quản lý	437.759.272	312.569.272			
Tổng cộng	15.013.233.133	15.857.712.568			

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Nhà ở	Nhà chung cư	Bất động sản khác	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	4.196.969.649	18.125.520.788	335.135.125		22.657.625.562
Tăng trong năm		254.984.000			254.984.000
Giảm trong năm	(214.734.861)	(884.884.540)			(1.099.619.401)
Số dư ngày 31/12/2019	3.982.234.788	17.495.620.248	335.135.125	-	21.812.990.161

Khấu hao lũy kế

Số dư ngày 01/01/2019	1.740.394.668	6.345.390.779			8.085.785.447
Khấu hao trong năm					-
Giảm trong năm	(33.262.715)	(232.829.918)			(266.092.633)
Số dư ngày 31/12/2019	1.707.131.953	6.112.560.861	-	-	7.819.692.814

Giá trị còn lại

Số dư ngày 01/01/2019	2.456.574.981	11.780.130.009	335.135.125		14.571.840.115
Số dư ngày 31/12/2019	2.275.102.835	11.383.059.387	335.135.125	-	13.993.297.347

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Tài sản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Xây dựng cơ bản dở dang	242.719.544	
Tổng cộng	242.719.544	

10. Phải trả người bán

<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vật tư công trình	2.236.766.138	2.236.766.138	6.871.016.967	6.871.016.967
Cty CP VL không nung Toàn Thắng		-	408.820.007	408.820.007
Cty CP Cấp nước Gia Định	107.279.896	107.279.896	-	-
Cty TNHH Ngọc Châu Hai	-	-	570.762.012	570.762.012
Cty CP KT Đông Phương	119.135.500	119.135.500	255.405.150	255.405.150
Cty TNHH Sản xuất Ngọc Hải Luân	136.224.000	136.224.000	798.600.000	798.600.000
Cty TNHH MTV TM DV Hoa Kiểng Hùng Sơn	1.045.880.242	1.045.880.242	1.045.880.243	1.045.880.243
Cty TNHH SX TM DV Long Thịnh Phát	133.805.500	133.805.500	448.599.200	448.599.200
Cty TNHH Thuận Thành Tài	-	-	891.000.000	891.000.000
Cty TNHH TM VLXD Phúc Thọ	231.132.000	231.132.000	-	-
Cty TNHH Tiến Trường	369.809.000	369.809.000	1.800.883.800	1.800.883.800
Đối tượng khác	93.500.000	93.500.000	651.066.555	651.066.555
Người nhận thầu	8.069.746.521	8.069.746.521	20.705.951.389	20.705.951.389
Cty CP DVĐT Tấn Minh	283.037.900	283.037.900	847.489.873	847.489.873
Cty TNHH PT Đô thị An Phước	1.068.742.812	1.068.742.812	13.347.110.225	13.347.110.225
Cty TNHH TK XDCT Đông Âu	424.504.203	424.504.203	1.418.355.400	1.418.355.400
Cty TNHH TM DV ĐTXD Phong Phú	209.000.000	209.000.000	-	-
Cty TNHH Vận tải Thu Giang	-	-	781.325.428	781.325.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cty TNHH Vũ Phong INDE	391.020.892	391.020.892	-	-
Cty TNHH XD CT Hong Phước Thịnh	803.500.000	803.500.000	-	-
Cty TNHH XD CT Kim Sai Gòn	107.800.000	107.800.000	722.975.000	722.975.000
Cty TNHH XDCT Minh Thù	904.000.000	904.000.000	-	-
Cty TNHH XDCT Đức Nguyên An	154.000.000	154.000.000	1.237.167.800	1.237.167.800
Cty TNHH XD TM Nhật Tuấn Khang	283.800.000	283.800.000	108.900.000	108.900.000
Cty TNHH XD TM Quách Nhân	1.716.000.000	1.716.000.000	-	-
Cty TNHH Đầu tư Đinh Uy	500.000.000	500.000.000	1.706.650.000	1.706.650.000
Ông Phạm Đình Nghị-PTTC	501.830.356	501.830.356	-	-
Ông Đỗ Thích-PTTC	175.826.508	175.826.508	-	-
Ông Lê Phước Lộc-PTTC	117.132.173	117.132.173	-	-
Đối tượng khác	429.551.677	429.551.677	535.977.663	535.977.663
Dịch vụ vệ sinh	7.747.905.688	7.747.905.688	1.252.801.740	1.252.801.740
Cty CP VT Xăng dầu COMECO	-	-	138.934.750	138.934.750
- TCty Cơ khí GTVT Saigon	3.749.291.920	3.749.291.920	-	-
Lê Minh Vũ-VCR Xe ép 51C-356.81	985.136.798	985.136.798	462.258.320	462.258.320
Lê Thanh Tươi-VCR Xe ép 51C-978.42	1.295.876.585	1.295.876.585	300.209.624	300.209.624
Lê Thanh Tươi-VCR Xe ép 51D-08.029	1.424.180.699	1.424.180.699	46.845.077	46.845.077
Lê Thanh Tươi-VCR Xe ép-7579	293.419.686	293.419.686	304.553.969	304.553.969
Dự án	75.206.079	75.206.079	75.206.079	75.206.079
Cty TNHH Ngọc Quang Minh	16.445.223	16.445.223	16.445.223	16.445.223
Cty Phát triển nhà TPHCM	58.760.856	58.760.856	58.760.856	58.760.856
Tổng cộng	18.129.624.426	18.129.624.426	28.904.976.175	28.904.976.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

11. Người mua trả tiền trước	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ban QL ĐTXDCT Q. BT Đường D3, Trường TH P17	1.958.794.000	1.958.794.000	1.958.794.000	1.958.794.000
- Ban QL ĐTXDCT Q. BT S/ch Trụ sở Công an P6	643.747.200	643.747.200	-	-
- UBND P2 - cải tạo vỉa hè đường Phan Bội Châu	131.300.000	131.300.000	-	-
- UBND P12 - Bụi tre hẻm 366 Chu Văn An	139.940.878	139.940.878	-	-
- UBND P12 - nâng cấp hẻm 261-40 Chu Văn An	109.046.861	109.046.861	-	-
- Khách hàng khác	265.536.413	265.536.413	99.266.829	99.266.829
Tổng cộng	3.248.365.352	3.248.365.352	2.058.060.829	2.058.060.829

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
- Thuế GTGT	962.342.024	15.700.012.441	12.165.259.432	4.497.095.033
- Thuế TNDN	1.330.030.329	2.178.278.208	1.642.643.346	1.865.665.191
- Thuế TNCN	263.673.759	272.862.069	403.972.050	132.563.778
- Thuế nhà đất	218.119.981	301.883.650	520.003.631	-
- Tiền thuê đất	8.268.879.895	18.095.858.562	16.354.948.671	10.009.789.786
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản nộp thu tiền nhà SHNN	9.189.540.212		2.615.625.432	6.573.914.780
Tổng cộng	20.232.586.200	36.551.894.930	33.705.452.562	23.079.028.568

Trong đó:**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

	31/12/2019	01/01/2019
- Thuế GTGT	4.497.095.033	962.342.024
- Thuế TNDN	1.865.665.191	1.330.030.329
- Thuế TNCN	132.563.778	263.673.759
- Thuế nhà đất	-	218.119.981
- Tiền thuê đất	10.009.789.786	8.268.879.895
- Các khoản nộp thu tiền nhà SHNN	6.573.914.780	9.189.540.212
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	23.079.028.568	20.232.586.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

Dịch vụ về chăm sóc bảo quản công viên cây xanh	Không chịu thuế
Dịch vụ về vệ sinh, thoát nước đường phố và các hoạt động khác	10%

Thuế TNDN

Xem thuyết minh IV.10 và V.12

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì tiền thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào một mục riêng của ngân sách thành phố.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi

13. Phải trả công nhân viên

	31/12/2019	01/01/2019
- Lương nhân viên văn phòng	757.350.219	0
- Lương bộ phận dịch vụ vệ sinh và đội công viên cây xanh	7.875.546.912	9.483.259.142
- Lương bộ phận quản lý nhà	2.999.854.267	2.575.597.904
- Lương viên chức quản lý	604.672.750	722.029.102
- Quỹ khen thưởng phúc lợi chuyển sang	3.562.075.597	8.764.878.845
Tổng cộng	15.799.499.745	21.545.764.993

Công ty đang thực hiện theo Thông báo số 710/TB-UBND ngày 05/9/2019 của UBND Quận Bình Thạnh về việc tạm trích quỹ tiền lương năm 2019 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ. Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2019.

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 đã được phê duyệt ngày 23/4/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

14. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2019	01/01/2019
a Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện	15.740.939.871	8.744.008.510
Tổng cộng	15.740.939.871	8.744.008.510

Là khoản tiền được tích lũy tương ứng với khoản phải thu nhà sở hữu nhà nước, các khoản này Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo cơ sở thực thu.

15. Phải trả khác	31/12/2019	01/01/2019
a Phải trả ngắn hạn khác		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	701.855.152	758.855.152
- Lãi thu hộ chung cư tái định cư	3.761.573.910	3.719.049.490
- Lãi phạt - thu hộ chung cư tái định cư	4.938.711.895	3.481.328.787
- Lương công nhân viên	2.353.530.447	2.481.641.719
- Phải trả kinh phí sửa chữa chung cư 1050 căn- Viettracimex.	50.000.000	1.550.000.000
- Kinh phí sửa chữa chung cư 500D - Cty CP Xây Dựng 5	2.237.751.415	2.237.751.415
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Phúc Gia	9.854.000.000	9.854.000.000
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn (thực hiện dự án Phường 13)	424.251.280	424.251.280
- Công Ty CP XD và KD Nhà Đại Phúc (thực hiện dự án Phường 13)	719.000.000	719.000.000
- UBND Quận Bình Thạnh	65.640.257	65.640.257
- Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	400.000.000	400.000.000
- Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Cty ĐTTTC,NS Quận BT... (các khoản thu tiền nhà trả góp chung cư + nền đất tái định cư)	46.933.630.976	45.711.487.394
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	534.898.189	240.013.309
Tổng cộng	72.974.843.521	71.643.018.803

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a						
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Nợ vay đến hạn trả						
Quý Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh			463.968.000		463.968.000	463.968.000
Tổng cộng	-	-	463.968.000	-	463.968.000	463.968.000
b						
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Quý Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	2.319.800.000	773.280.000	1.546.520.000	1.546.520.000
Tổng cộng	-	-	2.319.800.000	773.280.000	1.546.520.000	1.546.520.000

Vay của Quý Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 03-2019/HĐTD-QBVMT ngày 07 tháng 03 năm 2019 với các nội dung chính như sau:

Thời hạn vay: 60 tháng

Lãi suất vay: 4,27%/năm

Mục đích vay và tài sản đảm bảo: thực hiện dự án thu gom, vận chuyển rác được thể chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 03 chiếc xe ép rác đầu tư mới.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	17.256.635.403	-	8.684.837.508	25.941.472.911
Lãi trong năm trước			8.688.202.486	8.688.202.486
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành			(8.684.837.508)	(8.684.837.508)
Số dư cuối năm trước	17.256.635.403	-	8.688.202.486	25.944.837.889
Lãi trong năm			8.713.112.834	8.713.112.834
Số dư cuối năm nay	17.256.635.403	-	17.401.315.320	34.657.950.723

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019	01/01/2019
Vốn của nhà nước	17.256.635.403	17.256.635.403
Vốn góp của các đối tượng khác		
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	2019	2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn vào ngày 01/01	17.256.635.403	17.256.635.403
+ Vốn vào ngày 31/12	17.256.635.403	17.256.635.403
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
18. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	2019	2018
- Số dư đầu năm	7.267.662.758	7.991.151.238
Tăng trong năm	30.086.160.138	25.245.226.524
-Thu hộ ngân sách các tiền nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	25.620.128.860	19.743.538.118
-Kinh phí sự nghiệp - S/ch nhà thuộc SHNN	10.194.526	476.675.631
-Thu 2% chi phí quản lý chung cư	448.590.089	442.610.163
-Thu 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	4.007.246.663	4.201.167.055
-Thu kinh phí quản lý đất nền	-	381.235.557
Giảm trong năm	27.279.832.163	25.968.715.004
-Chi hoạt động nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	25.620.128.860	19.743.538.118
-Kinh phí sự nghiệp - Nhà thuộc SHNN	5.357.324	
-Kinh phí sự nghiệp - S/ch nhà thuộc SHNN	131.140.074	274.352.682
-Chi 2% chi phí quản lý chung cư	178.700.000	3.166.803.871
-Chi 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	931.445.585	2.419.474.557
-Chi phí lệ phí vệ sinh		
-Chi kinh phí quản lý đất nền	413.060.320	364.545.776
-Chi khác		
- Số dư cuối năm	10.073.990.733	7.267.662.758
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2019	2018
- Số dư đầu năm	18.424.477.030	18.289.477.288
Tăng trong năm	254.984.000	174.150.500
Giảm trong năm	833.526.768	39.150.758
- Số dư cuối năm	17.845.934.262	18.424.477.030

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

19. Các khoản mục ngoài Bảng CĐKT		31/12/2019	01/01/2019	
Kim khí quý, đá quý:	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Vàng	18,8 lượng	705.725.309	18,8 lượng	705.725.309

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	2019	2018
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.869.781.762	182.425.853.264
Trong đó:		
Doanh thu công trình kinh doanh	37.393.771.973	40.904.917.408
Doanh thu công trình công ích	28.057.699.858	36.117.239.053
Doanh thu quét thu gom rác	48.919.441.413	56.600.436.396
Doanh thu vận chuyển rác	10.676.625.019	7.545.809.301
Doanh thu dịch vụ vệ sinh	8.320.302.020	7.817.987.710
Doanh thu nhà cho thuê ở	11.246.912.887	6.547.793.499
Doanh thu nhà sản xuất kinh doanh	11.757.590.541	13.195.744.619
Doanh thu dịch vụ quản lý chung cư	5.315.835.003	4.949.635.121
Doanh thu đội công viên cây xanh	5.673.919.753	6.005.478.529
Doanh thu duy tu đường bộ	1.817.149.806	2.178.426.445
Doanh thu hoạt động khác	690.533.489	562.385.183
Các khoản giảm trừ doanh thu:	23.004.503.428	19.803.582.391
Trong đó:		
Phí vệ sinh, BVMT...		60.044.273
Nguồn thu nhà SHNN, công tác thu phí vệ sinh	23.004.503.428	19.743.538.118
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.865.278.334	162.622.270.873
2. Giá vốn hàng bán	2019	2018
Giá vốn công trình kinh doanh	35.039.625.784	38.781.755.545
Giá vốn công trình công ích	25.848.949.527	33.970.405.163
Giá vốn quét thu gom rác VS CI	41.940.348.574	44.816.517.199
Giá vốn vận chuyển rác	9.420.365.656	9.735.662.004
Giá vốn dịch vụ vệ sinh VS KD	2.393.795.476	2.182.091.605
Giá vốn QLN Kinh doanh	4.947.162.963	4.949.635.121
Giá vốn CVCX - CI và KD	5.099.426.722	5.631.688.623
Giá vốn duy tu đường bộ	1.680.102.000	2.038.816.074
Giá vốn hoạt động khác	482.668.000	397.043.000
Tổng cộng	126.852.444.702	142.503.614.334

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	2019	2018
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	694.672.595	796.235.888
Tổng cộng	694.672.595	796.235.888
4. Chi phí tài chính	2019	2018
Chi phí lãi vay	61.540.965	-
Tổng cộng	61.540.965	-
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2019	2018
Chi phí nhân viên quản lý	6.281.823.196	6.658.057.059
Chi phí vật liệu quản lý	290.052.232	407.203.038
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.753.036	400.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.405.496	287.854.511
Thuế, phí và lệ phí	13.618.787	37.726.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.002.306	392.896.872
Chi phí bằng tiền khác	2.615.775.497	2.173.610.305
Tổng cộng	9.952.430.550	9.957.748.772
6. Thu nhập khác	2019	2018
Cho thuê mặt bằng đặt máy ATM	-	38.181.818
Thu nhập khác	198.400.215	30.982.358
Tổng cộng	198.400.215	69.164.176
7. Chi phí khác	2019	2018
Chi phí khác	543.885	166.054.723
Tổng cộng	543.885	166.054.723
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2019	2018
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.891.391.042	10.860.253.108
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	-
Thu nhập tính thuế	10.891.391.042	10.860.253.108
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.178.278.208	2.172.050.622

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	2019	2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	19.821.381.134	26.517.852.026
Chi phí nhân công;	89.406.253.319	70.853.631.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	769.302.500	492.901.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	45.539.044.978	69.103.003.503
Chi phí khác bằng tiền.	4.335.481.599	2.173.610.305
Tổng cộng	159.871.463.530	169.140.998.870

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền	2019	2018
- Chuyển tiền vay trả trực tiếp cho khách hàng	2.319.800.000	
2. Số tiền đã thực nhận vay trong kỳ:	2.319.800.000	
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	309.312.000	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.221.457.781		47.996.500.611	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	57.548.228.930		82.571.700.746	
Tổng cộng	129.769.686.711	-	130.568.201.357	-
Công nợ tài chính	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải trả người bán, phải trả khác	91.104.467.947		100.547.994.978	
Các khoản vay	2.010.488.000		-	
Tổng cộng	93.114.955.947	-	100.547.994.978	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty ít chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.221.457.781		72.221.457.781
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	57.548.228.930	-	57.548.228.930
Tổng cộng	129.769.686.711	0	129.769.686.711

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	91.104.467.947	-	91.104.467.947
Các khoản vay	463.968.000	1.546.520.000	2.010.488.000
Tổng cộng	91.568.435.947	1.546.520.000	93.114.955.947
Chênh lệch thanh khoản thuần	38.201.250.764	(1.546.520.000)	36.654.730.764

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.996.500.611		47.996.500.611
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	58.066.165.294	24.505.535.452	82.571.700.746
Tổng cộng	106.062.665.905	24.505.535.452	130.568.201.357

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	100.547.994.978	-	100.547.994.978
Các khoản vay	-	-	-
Tổng cộng	100.547.994.978	-	100.547.994.978
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.514.670.927	24.505.535.452	30.020.206.379

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Hoàng Quốc Tiến	Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Kiểm soát viên
- Ông Nguyễn Ngọc Nga	Phó Giám đốc
- Bà Lâm Thị Hoàng Hương	Phó Giám đốc
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Kế toán trưởng

Phát sinh trong năm với các bên liên quan:	Năm nay	Năm trước
Tiền lương thực nhận trong năm	2.175.637.100	2.284.893.538
Chi phí tiền lương trích vào chi phí trong năm	2.120.510.000	2.491.073.579

Thu nhập của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc trong năm là: 2.120.510.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2019 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 22 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Giám đốc



Nguyễn Tiến Khoa



Phạm Thị Ánh Hồng



Nguyễn Ngọc Nga